

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY ĐỨC  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 24/2019/HS-ST  
Ngày 19 tháng 7 năm 2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC**

*- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Long Ca.*

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đăng Hưng – Bí thư Đoàn trường THPT Lê Quý Đôn.

2. Ông Lưu Ngọc Khoa – Chủ tịch hội người cao tuổi xã Quảng Tâm.

*- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Điều SMi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuy Đức.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Chung – Kiểm sát viên.*

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2019/TLST-HS, ngày 21 tháng 01 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HS, ngày 20 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo:

**1. Điều L;** Sinh năm: 1994; Tại: tỉnh Đắk Nông; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Bon J L B, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: M'Nông; con ông Đ R (đã chết) và bà T W (sinh năm 1965); bị cáo có vợ là T G, sinh năm 1986 (*đã ly hôn*) và 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2018 đến ngày 20/8/2018 được cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

**2. Điều L;** Sinh ngày 20/8/1999; Tại: tỉnh Đắk Nông; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Bon J L B, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: M'Nông; con ông Đ T (sinh năm 1969) và bà T M (sinh năm 1970); bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2018 đến ngày 20/8/2018 được cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

**3. Điều K;** Sinh ngày 15/5/2000; Tại: tỉnh Đ N; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Bon J L B, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: M'Nông; con ông Điều R (đã chết) và bà Thị W (sinh năm 1965); bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ khi có quyết định khởi tố bị can. Hiện tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

**4. Điều R;** Sinh ngày 20/5/2002; Tại: tỉnh Đắk Nông; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Bon J L, xã Đ RT, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: M'Nông; con ông Điều Nh R (sinh năm 1965) và bà Thị N (sinh năm 1968); bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ khi có quyết định khởi tố bị can. Hiện tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

**5. Nguyễn Hải Đ** (tên gọi khác: K); Sinh ngày 21/9/2000; Tại: tỉnh B L; Nơi ĐKHKTT: Ấp L P, xã A P, huyện Đ H, tỉnh B L; Chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn Đ Q, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: kinh; con ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1982) và bà Trần Thị T (sinh năm 1982); bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/4/2018 đến ngày 13/7/2018 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức hủy bỏ biện pháp tạm giam và phê chuẩn quyết định cho bảo lãnh của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức. Hiện tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

**Bào chữa cho các bị cáo Điều L, Điều L, Điều R:** Bà Nguyễn Thị X – Trợ giúp viên pháp lý – Thuộc sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông – Có mặt tại phiên tòa.

**Bào chữa cho bị cáo Điều Khút:** Chị Phạm Thị N, sinh năm 1986; Địa chỉ: Bon J L B, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt tại phiên tòa.

**Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hải Đ** (tên gọi khác: K): Luật sư Trịnh Quốc K, văn phòng Luật Sư Quốc Anh – Thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông – Có mặt tại phiên tòa.

**Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Điều Rê:** Ông Điều Nh R (bố ruột của Điều R); Địa chỉ: Bon J L, xã Đ R T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt tại phiên tòa.

**Bị hại:**

1. Anh Lộc Quang C, sinh năm 1996; Địa chỉ: Bon J L B, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt tại phiên tòa.

2. Anh Hoàng Văn K, sinh năm 1995; Địa chỉ: Bon J L B, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt tại phiên tòa.

3. Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1998; Địa chỉ: Bon J L B, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt tại phiên tòa.

4. Anh Nông Văn S, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn T L, xã Đ R, huyện Đ R L, tỉnh Đắk Nông - Có mặt tại phiên tòa.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Điều Nh R (bố của bị cáo Điều R), sinh năm 1965; Địa chỉ: Bon J L, xã Đ R T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt tại phiên tòa.

2. Anh Điều D (anh trai của bị cáo Điều L và bị cáo Điều K), sinh năm 1986; Địa chỉ: Bon J L B, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt tại phiên tòa.

3. Ông Điều T (bố của bị cáo Đ L), sinh năm 1969; Địa chỉ: Bon J L B, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt tại phiên tòa.

4. Anh Nguyễn Văn T (bố của bị cáo Đ), sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn Đ Q, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt tại phiên tòa.

5. Chị Phạm Thị N (chị dâu của Điều K và bị cáo Điều L), sinh năm 1986; Địa chỉ: Bon J L B, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 27/01/2018, anh Lộc Quang C, Hoàng Văn M, Hoàng Văn T, Nông Văn S, chị Phạm Thị H, Lê Thị Thùy M đến quán chị Lương Thị Kim T tại bon J L B, xã Q T để hát karaoke. Một lúc sau thì Điều L, Y T, Điều P, Điều Q, Điều Q, Điều N cùng một số người khác đến quán chị T để uống nước. Trong quá trình uống nước thì Điều Q, Điều P quen biết với nhóm của anh T nên anh T mời qua uống bia cùng thì anh Q, anh P và Điều L đến uống. Ngồi uống được khoảng 30 phút thì Điều L thấy một người thanh niên trong bàn cứ nhìn mình nên nghĩ người này sẽ đánh mình, đúng lúc đó có chị Thị L và chị Thị H (bạn của Điều L) đến quán của chị T mua nước uống. Điều L nhờ chị L và chị H đến nhà của Điều L nói với Điều L là Điều L bị người khác gây chuyện đòi đánh nên nhờ Điều L lên giúp.

Khoảng 20 phút sau, chị L và chị H đến nhà Điều L nói lại nội dung Điều L nhờ cho Điều L nghe. Lúc này tại nhà Điều L có Nguyễn Hải Đ, Điều R, Điều K (em ruột của Điều L), anh Điều N đang ngồi uống rượu thì Điều L kể cho mọi người nghe việc Điều L đang ngồi ở quán chị T bị một nhóm người đang đòi đánh và nói mọi người đến đó giúp (tức là đánh nhau với nhóm người đòi đánh Điều L) thì Điều R, Điều K, Nguyễn Hải Đ đồng ý, riêng Điều N không biết nội dung thế nào nhưng vẫn đi cùng. Đến khoảng 16 giờ 50 phút cùng ngày Điều L mang theo một đoạn kim loại làm từ lưỡi cửa dài khoảng 60cm, đường kính 05cm. Nguyễn Hải Đ mang theo một cây gậy gỗ dài khoảng 50cm, đường kính 04cm làm hung khí để đánh nhau. Cả nhóm của Điều L chuẩn bị đi thì có anh Điều C đến uống rượu do Điều L có mời trước đó, Điều L nhờ Điều C chở đến quán nhà chị T thì Điều C đồng ý (Điều C cũng không biết là đi đánh nhau). Điều L điều khiển xe mô tô biển số 48B1- 235.83 chở theo Điều K và Điều R, Điều C điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở Nguyễn Hải Đ và Điều N. Trên đường đi Điều N thấy Đ mang theo cây gậy gỗ nên giằng gậy của Đ vứt đi (mục đích không cho đánh nhau) khi đến quán chị T, Điều L dựng xe ở bên ngoài rồi đi vào phía bàn của Điều L đang ngồi hỏi Điều L “ai đòi đánh mày” thì Điều L chỉ tay về phía Hoàng Văn T và Nông Văn S đang đứng ở quầy tính tiền nói “thằng kia đòi đánh tao và là thằng gây chuyện với mày, đập phá xe của mày lúc trước đó”. Nghe vậy, Điều L đi về phía anh T và anh S rồi đứng với tư thế đối diện dùng tay phải đâm vào mặt của anh T. Thấy vậy, Đ, Điều R dùng tay chân còn Điều K và Điều L thì dùng ghế nhựa màu vàng nhãn hiệu “QUIPHUC” đánh anh S, bị đánh nên anh S và anh T dùng ghế nhựa và con dao gọt vỏ mía đánh trả lại nhóm người của Điều L. Lúc đó, Điều N thấy nhóm của Điều L bị anh S và anh T dùng dao gọt mía đánh lại nên có cầm

chiếc ghế nhựa định đánh anh S và anh T nhưng anh S bỏ chạy được ra trước cửa quán thì bị Điều L dùng tay chân đánh, tiếp đó Điều L chạy ra xe lấy lưới cửa mang theo làm hung khí cùng Đ đánh anh S làm anh S bị thương nằm ở bên vách phải của quán, còn T thì bị Điều L và Điều K đánh gây thương tích nằm phía đường bên kia trước cửa quán chị T.

Thấy anh S và anh T bị đánh nên anh Lộc Quang C, Hoàng Văn K nhặt gậy gỗ ở khu vực bên ngoài quán chị T làm hung khí rồi chạy vào trong quán đánh nhóm người của Điều L để giải cứu cho anh S và anh T, anh C và anh K bị Điều R nhặt cát ném vào người, Điều N đứng gần đó giằng co tước hung khí của anh C và anh K không cho anh C và anh K đánh gây thương tích cho Điều R (em trai của Điều N). Trong lúc đánh nhau, thì anh C bị nhóm của Điều L dùng vật tày tấn công từ phía sau tới, từ trái qua phải gây thương tích ở vùng đầu nằm trước hiên quán bên vách nhà phía tây, cách cột hiên quán phía tây 01<sup>m</sup>80<sup>cm</sup>, anh M thấy nhóm của T bị đánh nên vào giải cứu thì bị người của nhóm Điều L dùng gạch ném làm vỡ chiếc điện thoại di động hiệu HOTWAV để trong túi quần, bị đánh nên M bỏ chạy. Thấy Lộc Quang C, Hoàng Văn K, Hoàng Văn T, Nông Văn S bị thương nên nhóm Điều L không đánh nữa bỏ về. Sau đó, anh C, K, T, S được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông. Sau khi nhận được tin báo, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức tiến hành điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra các bị can đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tự nguyện khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội của mình; gia đình các bị can có hoàn cảnh rất khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương; các bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị can. Riêng bị can Đ gia đình có công với cách mạng.

\* Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức thu giữ: 01 cây gậy bằng gỗ tròn, hơi cong dài 103cm, đường kính 10cm; 01 chiếc ghế nhựa màu vàng kích thước 50cm x 67cm bị nứt gãy chân ghế phía sau bên trái, phía sau phần tựa lưng có in chữ “QUIPHUC” được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Đối với 03 chiếc ghế nhựa màu vàng, nhãn hiệu “QUIPHUC” mà các bị can dùng để đánh nhau, quá trình điều tra Công an xã Quảng Tân đã thu giữ tại hiện trường nhưng đã bị thất lạc nên đã lập biên bản đưa vào hồ sơ vụ án.

Ngoài ra cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức còn thu giữ và trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HOTWAV bị cong vênh, màn hình bị nứt vỡ cho anh Hoàng Văn Mạnh nên cần chấp nhận.

Tại bản giám định pháp y số: 121/TgT ngày 21/3/2018 của Trung tâm pháp y, Sở y tế tỉnh Đắk Nông kết luận: Anh Hoàng Văn T bị sẹo phần mềm vùng đầu mặt, sẹo vết thương phần mềm kích thước nhỏ, số lượng ít, tỷ lệ 02% (vết thương đỉnh đầu bên phải do vật tày có cạnh tác động hướng từ trên xuống, vết thương môi trên bên trái do vật tày có cạnh tác động hướng từ trước ra sau).

Tại bản giám định pháp y số: 120/TgT ngày 21/3/2018 của Trung tâm pháp y, Sở y tế tỉnh Đắk Nông kết luận: anh Hoàng Văn K bị sẹo vết thương vùng đỉnh thái dương trái kích thước (03cm x 0,5cm), sẹo vết thương vùng đỉnh thái dương trái số lượng ít, kích thước trung bình, tỷ lệ 04 %, các vết bầm tím trong thông tư không có tỷ lệ phần trăm (vết thương gây nên trực tiếp bởi vật tày).

Tại bản giám định pháp y số: 123/TgT ngày 21/3/2018 của Trung tâm pháp y, Sở y tế tỉnh Đắk Nông kết luận: anh Lộc Quang C bị khuyết sọ không có di chứng thần kinh, tụ máu ngoài màng cứng vùng trán hai bên, tụ máu dưới màng cứng bán cầu phải và liềm não, xuất huyết vỏ não thái dương phải, xuất huyết khoang dưới nhện trán trái, sẹo vết thương phần mềm vùng trán, đỉnh thái dương trái: Khuyết sọ đường kính trên 06cm đến 10cm đáy phập phồng, tỷ lệ 35%, tụ máu ngoài màng cứng, dưới màng cứng, xuất huyết khoang dưới nhện đã điều trị không có di chứng thần kinh, tỷ lệ 25% cộng lùi bằng 16,25%, sẹo vết thương phần mềm kích thước lớn, số lượng ít, tỷ lệ 10% cộng lùi bằng 4,87%. Tổng tỷ lệ phần trăm thương tích hiện tại là 56,12% làm tròn bằng 56% (thương tích trên đầu do bị đánh mạnh bằng vật tày hướng từ trên xuống, từ trái qua phải, các vết thâm da dạng chấm tại vùng lưng là do bị đánh bằng vật có các mấu nhọn thẳng hàng, cách đều nhau).

Tại bản giám định pháp y số: 119/TgT ngày 21/3/2018 của Trung tâm pháp y, Sở y tế tỉnh Đắk Nông kết luận: anh Nông Văn S bị các sẹo vết thương nhỏ tại vùng đầu, lưng và cẳng bàn tay trái, sẹo vết thương phần mềm kích thước nhỏ, số lượng ít, tỷ lệ 02% (vết thương vùng đầu do bị tác động bằng vật tày có cạnh hướng từ sau tới trước, vết thương ngón 4 bàn tay trái do vật có mấu nhọn, cạnh sắc tác động).

Tại biên bản định giá tài sản tố tụng số: 11/KL-HĐĐGTS, ngày 10/04/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tuy Đức, kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HOTWAV đã qua sử dụng trước thời điểm ngày 27/01/2018 chưa bị ngoại lực tác động có giá trị 1.500.000 đồng, sau thời điểm ngày 27/01/2018 bị ngoại lực tác động hư hỏng có giá trị 0 đồng.

Tại biên bản định giá tài sản tố tụng số: 52/KL-HĐĐGTS, ngày 16/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tuy Đức, kết luận: 04 chiếc ghế nhựa màu vàng, nhãn hiệu “QUIPHUC” đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 27/01/2018 là 340.000 đồng.

\* Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Lộc Quang C yêu cầu các bị can liên đới bồi thường thiệt hại tiền chi phí thuốc men, chi phí điều trị và các chi phí khác với số tiền 104.000.000 đồng và những người bị hại Hoàng Văn K, Hoàng Văn T, Nông Văn S yêu cầu các bị can liên đới bồi thường thiệt hại tiền chi phí thuốc men, chi phí điều trị và các chi phí khác cho mỗi người bị hại với số tiền 10.000.000 đồng. Gia đình các bị can đã bồi thường cho người bị hại Lộc Quang C số tiền 63.500.000 đồng; Bị hại Hoàng Văn K, Hoàng Văn T, Nông Văn S mỗi người số tiền 10.000.000 đồng (gia đình bị can Nguyễn Hải Đ đã bồi thường với số tiền 27.500.000 đồng; gia đình bị can Điều R số tiền 25.000.000 đồng; gia đình bị can K và L số tiền 14.000.000 đồng; gia đình bị can Điều L số tiền 27.000.000 đồng).

Tại cáo trạng số: 02/CTr -VKS, ngày 17/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố các bị cáo Điều L, Điều L, Điều K, Điều R, Nguyễn Hải Đ về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng và thừa nhận bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự là đúng, không oan.

Bị hại, người làm chứng thừa nhận lời khai của các bị cáo là đúng sự thật.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Vào khoảng 16 giờ 55 phút ngày 27/01/2018, tại bon J L B, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông do mâu thuẫn trước đó nên Điều L, Điều L, Nguyễn Hải Đ, Điều R, Điều K đã có hành vi dùng tay, chân, ghế nhựa cứng, gậy gỗ, lưỡi cưa sắt là hung khí nguy hiểm đánh anh Lộc Quang C gây thương tích, tỷ lệ thương tật 56%; Hoàng Văn K với tỷ lệ thương tật 04%; Hoàng Văn T với tỷ lệ thương tật 02%; Nông Văn S với tỷ lệ thương tật 02% sức khỏe. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Điều L, Điều L, Điều K, Điều R, Nguyễn Hải Đ về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, các bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại và người bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; gia đình các bị cáo thuộc hộ nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, gia đình bị cáo Đ có bà Tô Thị H là bà cố nội được nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất; liệt sỹ Trần Quang M là chú bên vợ được tặng Huân chương chiến công hạng ba; bà Lương Thị N là bà ngoại được nhà nước tặng danh hiệu bà mẹ Việt Nam anh hùng; bà Phạm Thị H là bà cố ngoại được nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất; ông Bùi Văn H là ông cố ngoại được nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Điều L từ 06 (sáu) năm đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2018 đến ngày 20/8/2018.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Điều L từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2018 đến ngày 20/8/2018.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 101; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải Đ (tên gọi khác: K) từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/4/2018 đến ngày 13/7/2018.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 2 Điều 101; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Điều R từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 101; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Điều K từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 19/7/2019.

\* Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2, 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy 01 cây gậy bằng gỗ tròn, hơi cong dài 103cm, đường kính 10cm; 01 chiếc ghế nhựa màu vàng kích thước 50cm x 67cm bị nứt gãy chân ghế phía sau bên trái, phía sau phần tựa lưng có in chữ “QUIPHUC” được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Đối với 03 chiếc ghế nhựa màu vàng, nhãn hiệu “QUIPHUC” mà các bị can dùng đánh để đánh nhau, quá trình điều tra Công an xã Quảng Tân đã thu giữ tại hiện trường nhưng đã bị thất lạc nên đã lập biên bản đưa vào hồ sơ vụ án.

Chấp nhận cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HOTWAV bị công vênh, màn hình bị nứt vỡ cho anh Hoàng Văn M.

\* Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 590 Bộ luật dân sự. Chấp nhận các bị cáo bồi thường chi phí thuốc men, chi phí điều trị, tổn thất sức khỏe, tổn thất tinh thần và các chi phí hợp lý khác cho các bị hại anh Lộc Quang C, Hoàng Văn K, Hoàng Văn T, Nông Văn S với số tiền 93.500.000 đồng. Cụ thể Điều L bồi thường số tiền 27.000.000 đồng; Nguyễn Hải Đ bồi thường số tiền 27.500.000 đồng; Điều R bồi thường 25.000.000 đồng; Điều L bồi thường số tiền 7.000.000 đồng; Điều K bồi thường số tiền 7.000.000 đồng. Trong đó các bị cáo bồi thường cho anh Lộc Quang C số tiền 63.500.000 đồng; Bồi thường cho các anh Hoàng Văn K, Hoàng Văn T, Nông Văn S mỗi người 10.000.000 đồng.

Chấp nhận việc bị cáo Điều L tự nguyện bồi thường số tiền 20.500.000 đồng; Bị cáo Điều K bồi thường số tiền 20.000.000 cho anh Lộc Quang C.

Phản tranh luận các bị cáo Điều L, Điều L, Điều K, Điều R, Nguyễn Hải Đ thừa nhận hành vi phạm tội của mình không tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

\* Phản tranh luận trợ giúp viên pháp lý tham gia bào chữa cho các bị cáo Điều L, Điều L, Điều R bà Nguyễn Thị X đồng ý với bản luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về các tình tiết giảm nhẹ, tuy nhiên Trợ giúp viên pháp lý đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng thêm một số tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) vì các bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật có phần hạn chế; gia đình các bị cáo là hộ nghèo theo quy định của Chính phủ, có hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn. Từ những tình tiết nêu trên Trợ giúp viên pháp lý bà Nguyễn Thị X bào chữa cho các bị cáo Điều L, Điều L, Điều R, đề nghị HĐXX xem xét xử phạt các bị cáo mức án dưới 03 năm tù, đối với các bị cáo Điều R đề nghị xem xét cho hưởng án treo và đề nghị miễn án phí dân sự cho các bị cáo.

\* Luật sư Trịnh Quốc K bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hải Đ (tên gọi khác: K) đồng ý với bản luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về các tình tiết giảm nhẹ, tuy nhiên đề nghị HĐXX áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như khi phạm tội tôi là người dưới 18 tuổi, bị rủ rê, bông bột, bột phát dẫn đến việc phạm tội; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tác động đến gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho các bị hại, khi phạm tội bị cáo không dùng hung khí để gây thương tích cho bị hại; gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo có xác nhận của chính quyền địa phương; gia đình của bị cáo có ông bà cố được nhà nước tặng nhiều danh hiệu cao quý. Đối chiếu với các quy định của pháp luật đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo Đ được hưởng án treo là phù hợp.

\* Chị Nguyễn Thị N bào chữa cho bị cáo Điều K đồng ý với bản luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về các tình tiết giảm nhẹ. Trong vụ án này bị cáo K là em trai của bị cáo L cùng tham gia vào việc đánh nhau nhưng với vai trò giúp sức không tích cực và bị cáo cũng bị bên phía bị hại dùng gậy đánh vào đầu nhưng chưa gây thương tích. Ngoài ra chị N đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng thêm một số tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) vì bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật có phần hạn chế; gia đình bị cáo là hộ nghèo theo quy định của Chính phủ, có hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn, bố mất sớm hiện nay chỉ còn có mẹ già neo đơn, nếu cả hai anh em cùng phải đi chấp hành án cùng một lúc thì mẹ già không ai chăm sóc. Vì vậy đề nghị HĐXX xem cho bị cáo K được hưởng án treo, để bị cáo có điều kiện chăm sóc cho mẹ già.

Các bị cáo đồng ý với lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý, người bào chữa cho bị cáo không bổ sung thêm gì, thừa nhận hành vi phạm tội và không tranh luận gì thêm với vị đại diện Viện kiểm sát, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị hại không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, đề nghị HĐXX xem xét xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất.

Kết thúc phần tranh luận, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo xin lỗi bị hại, tỏ ra ăn năn, hối hận về hành vi đã gây ra, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tuy Đức, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác, không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng, của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển mọi hành vi của bản thân trong cuộc sống. Các bị cáo cũng như pháp luật buộc bị cáo phải biết được rằng sức khỏe và tính mạng của người khác là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ. Song do ý thức coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe, tính mạng của người khác và xuất phát từ mâu thuẫn trước đó với phía bị hại nên vào khoảng 16 giờ 55 phút ngày 27/01/2018, tại bon J L B, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông, do mâu thuẫn trước đó nên Điều L, Điều L, Nguyễn Hải Đ, Điều R, Điều K đã có hành vi dùng tay, chân, ghế nhựa cứng, gậy gỗ, lưỡi cưa sắt là hung khí nguy hiểm đánh anh Lộc Quang C gây thương tích, tỷ lệ thương tật 56%; Hoàng Văn K với tỷ lệ thương tật 04%; Hoàng Văn T với tỷ lệ thương tật 02%, Nông Văn S với tỷ lệ thương tật 02% sức khỏe. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”. Hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp “Dùng hung khí nguy hiểm” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự. Vì vậy đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự, cụ thể:

*“Điều 134 – BLHS quy định:*

*1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm, hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*a) Dùng hung khí nguy hiểm:*

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

...

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31 đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này”.

[3] Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của Lộc Quang C, Hoàng Văn K, Hoàng Văn T, Nông Văn S. Do vậy, HĐXX xét thấy để đảm bảo việc giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt có ý thức chấp hành nghiêm pháp luật cũng như răn đe phòng ngừa chung, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ mà các bị cáo gây ra.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội các bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho bị hại anh Lộc Quang C, bồi thường toàn bộ hậu quả cho các bị hại anh Hoàng Văn K, Hoàng Văn T, Nông Văn S với số tiền 93.500.000 đồng (Trong đó anh Lộc Quang C 63.500.000 đồng; Các anh Hoàng Văn K, Hoàng Văn T, Nông Văn S mỗi người với số tiền 10.000.000 đồng) do các bị cáo đã bồi thường. Cụ thể bị cáo Điều L bồi thường số tiền 27.000.000 đồng; Bị cáo Nguyễn Hải Đ bồi thường số tiền 27.500.000 đồng; Bị cáo Điều R bồi thường số tiền 25.000.000 đồng; Bị cáo Điều L bồi thường số tiền 7.000.000 đồng; Bị cáo Điều K bồi thường số tiền 7.000.000 đồng). Số tiền còn lại 40.500.000 đồng bị cáo Điều L đồng ý bồi thường số tiền 20.500.000 đồng, bị cáo Điều K đồng ý bồi thường số tiền 20.000.000 đồng nên cần chấp nhận.

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Các bị hại có đơn bãi nại, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; trước khi phạm tội các bị cáo là người dân lương thiện, chưa có tiền án, tiền sự; gia đình các bị cáo đều thuộc hộ nghèo theo quy định của chính phủ, có hoàn cảnh khó khăn. Hơn nữa, nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội là do bộc phát không có sự chuẩn bị trước; Đối với gia đình bị cáo Nguyễn Hải Đ có bà Tô Thị H là bà cố nội được nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất; liệt sỹ Trần Quang M là chú bên vợ được tặng Huân chương chiến công hạng ba; bà Lương Thị N là bà ngoại được nhà nước tặng danh hiệu bà mẹ Việt Nam anh hùng; bà Phạm Thị Huệ là bà cố ngoại được nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất; ông Bùi Văn H là ông cố ngoại được nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). HĐXX sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện tính khoan hồng nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Trong vụ án này Điều Lũn, Điều L là người khởi xướng, rủ rê đồng thời là người thực hiện hành vi phạm tội một cách quyết liệt với vai trò cầm đầu; Bị cáo Điều L có hành vi xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội nên cần áp dụng mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác là phù hợp là phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Hải Đ mặc dầu không có mâu thuẫn gì với phía bị hại nhưng sau khi nghe Điều L nói lại về việc Điều L nhờ lên quán karaoke chị T giúp đỡ (đánh nhau) thì bị cáo nhận lời và mang theo gậy gỗ để đánh nhau với nhóm bị hại, tuy nhiên trên đường đi thì bị Điều N giằng gậy và vứt đi (mục đích không cho đánh nhau). Khi đến nơi bị cáo vẫn không từ bỏ ý định đánh nhau và cùng với các bị cáo khác tham gia trực tiếp vào việc gây thương tích cho các bị hại. Như vậy có thể khẳng định bị cáo với tính cách hung hăng muốn dùng vũ lực để giải quyết mâu thuẫn một cách nhanh chóng mà không cần quan tâm đến tính mạng, sức khỏe của người khác và đã gây nên hậu quả nghiêm trọng cho các bị hại. Vì vậy HĐXX xét thấy cần dành cho bị cáo một mức hình phạt đủ nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để bị cáo sửa chữa sai lầm và trở thành người có ích cho gia đình và xã hội sau này. Tuy nhiên đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Nguyễn Hải Đ mới được 17 tuổi 04 tháng 06 ngày. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Điều R được 15 tuổi 08 tháng 07 ngày. Tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo rất tích cực, bị cáo dùng cát ném về phía bị hại nhằm mục đích gây cản trở cho bị hại tẩu thoát, tạo điều kiện thuận lợi để đồng bọn của bị cáo tước hung khí, ngoài ra bị cáo cũng trực tiếp dùng gậy gây thương tích cho các bị hại. Vì vậy cần dành cho bị cáo một mức hình phạt đủ nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để bị cáo sửa chữa sai lầm và trở thành người có ích cho gia đình và xã hội sau này. Tuy nhiên cần áp dụng khoản 2 Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Điều K trong quá trình đánh nhau bị cáo K cũng bị phía bị hại dùng gậy đánh vào đầu, do vết thương không nặng nên bị cáo không yêu cầu giám định tỷ lệ thương tật. Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo K mới được 17 tuổi 08 tháng 12 ngày nên cần áp dụng khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Ngoài ra bị cáo K có anh trai ruột cũng là bị cáo trong vụ án này (Điều L). Nếu cả hai anh em ruột trong một gia đình cùng phải đi chấp hành án cùng một lúc thì quá nghiêm khắc đối với bị cáo. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật có phần hạn chế; gia đình bị cáo là hộ nghèo theo quy định của Chính phủ, có hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo có mẹ già neo đơn, bố mất sớm cần người chăm sóc và phụng dưỡng. Mặt khác bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bản thân bị cáo và gia đình ở địa phương luôn thực hiện đúng quy định của Nhà nước nên không cần thiết

phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách là phù hợp.

Đối với đề nghị của trợ giúp viên pháp lý về việc miễn án phí dân sự cho các bị cáo, HĐXX xét thấy theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 thì người đề nghị được miễn án phí Tòa án thuộc trường hợp quy định tại Điều 12 của Nghị quyết này phải có đơn đề nghị nộp cho Tòa án có thẩm quyền kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn. Trong vụ án này các bị cáo đều thuộc hộ nghèo theo quy định của Chính phủ, tuy các bị cáo có đơn đề nghị miễn án phí dân sự nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương. Vì vậy việc đề nghị miễn án phí dân sự của trợ giúp viên pháp lý đề nghị tại phiên tòa không đủ điều kiện để HĐXX xem xét chấp nhận.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 48B1- 235.83 mà Điều L chở Điều K và Điều R đi đánh nhau, quá trình điều tra xác định đây là xe của bà Thị W (*mẹ của Điều L*), việc Điều L mượn xe làm phương tiện để đi đánh nhau bà Thị W không biết nên không đề cập vấn đề xử lý. Do đó, việc cơ quan cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện Tuy Đức đã trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với hành vi gây thương tích cho anh Hoàng Văn T, Hoàng Văn K và Nông Văn S của các bị cáo Điều L, Điều L, Nguyễn Hải Đ, Điều R, Điều K. Quá trình điều tra, những người bị hại trên đã rút đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

Đối với 01 (một) lưỡi cưa sắt bị cáo Điều L dùng để gây thương tích cho các bị hại, sau đó bị cáo đã ném trên đường. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức đã tiến hành điều tra xác minh nhưng không thu giữ được.

Các bị cáo Điều L, Điều L, Nguyễn Hải Đ, Điều R, Điều K có hành vi ném đá làm vỡ chiếc điện thoại di động của anh Hoàng Văn M và làm hư hỏng 04 chiếc ghế nhựa của chị Lương Thị Kim T. Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức đã giám định tài sản trên nhưng không đủ căn cứ và định lượng để xử lý các bị cáo về tội “Hủy hoại tài sản” nên tiến hành xử lý hành chính đối với các bị cáo.

Đối với anh Hoàng Văn M có bị đánh nhưng do thương tích nhẹ và anh M không yêu cầu giải quyết. Nên không đề cập xử lý.

Đối với Điều C có hành vi chở các bị cáo lên quán của chị T nhưng không biết việc Điều L và đồng bọn đến đó để đánh nhau sau đó đi về nhà, không tham gia vào đánh nhau. Nên cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Tuy Đức không tiến hành xử lý.

Ngoài ra, Điều N và Điều N có vai trò tham gia trong vụ án này nhưng trong quá trình điều tra xác định Điều N và Điều N không bàn bạc từ trước và không xác định được Điều N và Điều N gây thương tích cho ai nên tách ra tiếp tục điều tra xử lý sau khi có căn cứ.

[4] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 cây gậy bằng gỗ tròn, hơi cong dài 103cm, đường kính 10cm; 01 chiếc ghế nhựa màu vàng kích thước 50cm x 67cm bị nứt gãy chân ghế phía sau bên trái, phía sau phần tựa lưng có in chữ “QUIPHUC” là vật chứng của vụ án sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại Lộc Quang C yêu cầu bị cáo Điều L, Điều K phải liên đới bồi thường tiếp số tiền còn lại 40.500.000 đồng. Trong đó bị cáo Điều L bồi thường số tiền 20.500.000 đồng; Điều K bồi thường số tiền 20.000.000 đồng. Các bị cáo đồng ý với yêu cầu bồi thường của bị hại. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện giữa bị hại và bị cáo Điều L, Điều K nên cần chấp nhận.

Vì vậy cần buộc các bị cáo Điều L và Điều K phải bồi thường số tiền 40.500.000 đồng cụ thể bị cáo Điều L bồi thường số tiền 20.500.000 đồng; Bị cáo Điều K bồi thường số tiền 20.000.000 đồng cho bị hại anh Lộc Quang C.

Đối với số tiền 93.500.000 đồng gia đình các bị cáo đã bồi thường cho bị hại, tại phiên tòa những người có quyền lợi liên quan không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền này, đây là sự tự nguyện của những người có quyền lợi liên quan nên cần chấp nhận, vì vậy không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo Điều L, Điều L, Điều K, Điều R, Nguyễn Hải Đ phải chịu tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Điều L, Điều K phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố các bị cáo Điều L, Điều L, Điều K, Điều R, Nguyễn Hải Đ phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Điều L 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2018 đến ngày 20/8/2018.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Điều L 05 (năm) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2018 đến ngày 20/8/2018.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 101; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải Đ (tên gọi khác: K) 04 (bốn) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/4/2018 đến ngày 13/7/2018.

Xử phạt bị cáo Điều R 02 (hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 2 Điều 101; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Điều K 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 19/7/2019.

Giao bị cáo Điều K cho UBND xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông phối hợp cùng với gia đình quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của bộ luật hình sự.

**2. Về vật chứng của vụ án:** Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2, 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu, tiêu hủy 01 cây gậy bằng gỗ tròn, hơi cong dài 103cm, đường kính 10cm; 01 chiếc ghế nhựa màu vàng kích thước 50cm x 67cm bị nứt gãy chân ghế phía sau bên trái, phía sau phần tựa lưng có in chữ “QUIPHUC”.

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc các bị cáo Điều L và Điều K phải bồi thường số tiền 40.500.000 đồng. Cụ thể bị cáo Điều L bồi thường số tiền 20.500.000 đồng; Bị cáo Điều K bồi thường số tiền 20.000.000 đồng cho bị hại anh Lộc Quang C.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của pháp luật.

**4. Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14. Buộc các bị cáo Điều L, Điều L, Điều K, Điều R, Nguyễn Hải Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Điều L phải chịu 1.025.000 đồng; Bị cáo Điều K phải chịu 1.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại, người bào chữa cho các bị cáo vị thành niên được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo phần bản án sơ thẩm liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNV C.a tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- CA huyện Tuy Đức;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Phan Long Ca***